

Khoa Sư Phạm

Văn Học Trung Quốc

Tác giả: Phùng Hoài Ngọc

Lời giới thiệu

Văn Học Trung Quốc là một nền văn học phong phú lâu đời . Ngay từ trước Công nguyên (thời cổ đại) nền văn học này đã có những thành tựu rực rỡ như Kinh Thi , Văn xuôi , Triết học , Sở từ , Sử ký ... Nền văn học đã sản sinh các danh nhân văn hoá thế giới như Khuất Nguyên , Đỗ Phủ , Quan Hán Khanh , Lỗ Tấn ..., đã có những thành tựu độc đáo như thơ Đường, tiểu thuyết cổ điển thời Minh Thanh ... Mặt khác văn học Trung Quốc (văn học cổ và trung đại) đã có quan hệ ảnh hưởng khá rộng rãi và sâu sắc tới văn học Việt Nam . Trong thời kỳ lịch sử trung đại, mối quan hệ ảnh hưởng đó tuy mang tính chất áp đặt nhưng các nhà thơ nhà văn Việt Nam với bản lĩnh vững vàng và sáng tạo, đã tiếp thu tinh hoa văn học Trung Quốc một cách chủ động , góp vào xây dựng nền văn học cổ điển của dân tộc Việt Nam . Nghiên cứu, học tập Lịch sử Văn học Trung Quốc, chúng ta có cơ hội hiểu thêm nền văn học của dân tộc ta (Lời giới thiệu giáo trình VHTQ của GS Lương Duy Thứ , GS Nguyễn Khắc Phi)

Phần Văn học Trung Quốc tuy đã được phân phối nhiều giờ hơn các nền Văn học khác ở châu Á nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh . Vì điều kiện thiếu tài liệu hiện đại , chúng ta chỉ có thể nghiên cứu được những tác phẩm , tác giả tiêu biểu nhất trước khi Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời .

Học phần Văn Học Châu Á của chương trình Cao Đẳng Ngữ Văn 45 tiết bao gồm văn học Trung Quốc ,văn học Ấn Độ , Nhật , Kampuchia, văn học Lào và văn học Ả rập, trong đó Văn học Trung Quốc chiếm 25 tiết.

Trong chương trình Đại học Ngữ Văn , bộ môn Văn Học Trung Quốc được thiết kế thành một học phần độc lập với thời lượng 60 tiết .

Nghiên cứu học tập văn học Trung Quốc là công việc cần thiết của sinh viên ngữ văn nhằm hoàn thành bộ môn Văn học Thế giới , hỗ trợ cho bộ môn Văn Học Việt Nam và Tiếng Việt . Mặt khác tăng cường sự hiểu biết và quan hệ mới với nước láng giềng gần gũi trong hiện tại và tương lai .

Ngoài nội dung chính , chúng tôi có soạn thêm 3 phụ lục cần thiết :

"Cây gia hệ Hồng Lôu Mộng" , " Tiểu sử một số nhà thơ thời Đường " và " Bảng đối chiếu niên đại Trung Quốc - Việt Nam" để giúp sinh viên thuận tiện nghiên cứu tham khảo , tra cứu .

Chương I: Văn học trước Tần

Khái quát về văn học dân gian Trung Quốc

Nền văn học Trung Quốc là một nền văn học phong phú đặc sắc và kỳ diệu vào bậc nhất trên thế giới..

Cũng như các dân tộc khác trên thế giới , từ thời nguyên thủy, nhân dân lao động Trung Quốc đã biết nhảy múa, đàn , kịch, ca hát và làm thơ. Văn điệu trong thơ ca bắt nguồn từ lao động, có tác dụng làm cho lao động nhịp nhàng , làm cho tinh thần sảng khoái và đỡ mệt mỏi. Vì vậy những bài ca , bài thơ đầu tiên của Trung Quốc ra đời từ trong lao động. Theo Lỗ Tấn , thứ thơ ca này xuất hiện trước khi con người có ngôn ngữ.

Văn học truyền miệng Trung Hoa thời cổ đại chắc chắn rất phong phú nhưng chỉ số ít còn giữ được đến ngày nay, trong số đó có một số ghi trong sách cổ hoặc các đồ vật cổ. Tiêu biểu nhất trong kho tàng thơ ca cổ đại là tập KINH THI gồm khoảng ba trăm bài thơ giữ vị trí đặc biệt trong nền văn học và giáo dục Trung Quốc.

Thần thoại và truyền thuyết được ghi trong sách cổ cũng là văn học truyền miệng từ thời kì này - xã hội thị tộc. Việc ghi chép thường đơn giản làm giảm phần hứng thú. Sau này, đọc các bản phóng tác của nhà văn hiện đại thì câu chuyện phong phú kỳ thú hơn. Ví dụ các truyện Nữ Oa vá trời, Hậu Nghệ bắn mặt trời, Hằng Nga lộng nguyệt , Tinh Vệ lấp biển , Ngưu lang Chức nữ, vua Vũ trị thủy.v.v... Thần thoại Trung quốc tìm cách giải thích các hiện tượng tự nhiên , như mặt trời , mặt trăng mây gió đến cây cỏ , chim muông . Đặc biệt những truyện nói về nguồn gốc trái đất và muôn loài đã được hư cấu thật tài tình . Gạt bỏ những chi tiết hoang đường, chúng ta hiểu được gần đúng tình cảnh người xưa sống đời nguyên thủy , ăn hang ở lỗ , dần dần tìm ra lửa , biết đánh cá , săn muông thú , trồng trọt và chăn nuôi . Thần thoại tin rằng công lao hướng dẫn con người làm được những thành công vĩ đại ấy là do các vị thần .

Truyền thuyết thì gần gũi với con người hơn . Những nhân vật như vua Hoàng Đế, vua Nghiêu , vua Thuấn và vua Vũ được coi là nhân vật lịch sử có thật , được thêu dệt tô điểm thành huyền thoại . Đó là những vị anh hùng không hề chịu bó tay trước thiên nhiên hung dữ , khắc nghiệt luôn luôn gây tai họa cho người . Họ có sức mạnh ghê gớm để khắc phục khó khăn gian khổ hoặc tranh đấu đến chết đối với các thế lực tàn bạo.

Thần thoại và truyền thuyết Trung quốc phản ánh những niềm khát vọng của người lao động thời đó . Họ muốn giảm nhẹ công việc nặng nhọc , tăng năng suất , sống thoải mái trong tình thương yêu đồng loại.

Thần thoại truyền thuyết có ảnh hưởng rất lớn đến văn học đời sau . Khuất Nguyên, Lý Bạch hay dùng thần thoại , truyền thuyết để trang bị cho thơ của mình một không khí lãng mạn , phóng khoáng . Các nhà thơ như Lí Thương Ẩn, Đỗ Mục cũng thường nhắc đến Hằng Nga , Chức Nữ tượng trưng cho người

đẹp xa vời . Còn trong tiểu thuyết cổ như Tây Du Ký , Phong Thần Diễn Nghĩa , Liêu Trai Chí Dị , cách viết phảng phất bút pháp thần thoại truyền thuyết.

Thần thoại Trung Quốc

1. Nhóm thần tạo lập vũ trụ

" Chống màn trời , Bàn Cổ làm vũ trụ

hoá thân thành sông núi cỏ cây "

Từ một quả trứng vũ trụ trong cái khối không gian hỗn độn , đen ngòm , nở ra thần Bàn Cổ . Ngồi dậy , vớ chiếc rìu , Bàn Cổ chém vào khoảng mù mờ trước mặt, gây chấn động lớn . Những chất trong suốt , nhẹ bốc lên thành bầu trời . Nhưng chất đục , cặn, nặng lắng dần xuống thành mặt đất . Vũ trụ đã chia ra Trời và Đất .

Bàn Cổ lấy thân mình chống giữ , đầu đội trời , chân đạp đất . Khi đất và trời đã vững chắc , ổn định , Bàn Cổ ngã ra chết , thân thể và khí lực hoá thành tất cả những sự vật , hiện tượng của thế giới như sét , gió , mây , mưa , mặt trời , mặt trăng , núi non , sông hồ , các vì sao , cây cỏ hoa lá tới các loại kim thuộc đá quý...

BÀN CỔ là vị thần khai thiên lập địa (còn có tên khác : Bàn Hồ , Bàn Vương)

2. Nhóm các hoàng đế đầu tiên

Gọi là "Tam hoàng" , gồm các vua Phục Hy , Hoàng Đế và Thần Nông.

a . Phục Hy : Còn có tên Thái Hạo . Vợ là bà Nữ Oa .

Phục Hy tiếp tục công việc của Bàn Cổ là kiến tạo mặt đất (chủ yếu ở phương Đông) . Ông là nhà triết học đầu tiên của thời cổ đại Trung Hoa , đã vạch ra " bát quái " (tám quẻ) thể hiện cách nhìn thế giới :

- càn (trời)
- khôn (đất)
- khảm (nước)
- ly (lửa)
- cấn (núi non)
- chấn (sấm sét)
- tốn (gió)
- đoài (đầm , ao)

Phục Hy chế tạo cây đàn 50 dây giao cho thần Tố Nữ- thần âm nhạc ca hát biểu diễn giải trí cho các thần linh.

Phục Hy và Nữ Oa vốn là anh em ruột . Vì nạn hồng thủy , hai người cùng trú ẩn trong một quả bầu . Sau phải lấy nhau để giữ nòi giống . Người xưa gọi là ông Hồ lô và bà Hồ lô (hồ lô là quả bầu) .

Có thuyết khác cho rằng Phục Hy chính là ông Tứ Tượng (Tứ Tượng là con của Âm và Dương , gồm 4 thành tố : Thái dương , Thiếu dương , Thái âm ,

Thiếu âm) . Tứ Tượng và Nữ Oa là hai thần Đực và Cái (ở vùng Tây bắc , người Việt gọi là Ông Đùng , Bà Đà).

b. Vua Thần Nông

Thần nông là thiên đế cai quản phương nam (còn có tên là Viêm đế hoặc Xích đế - vua xứ nóng). Vị thần hình người đầu trâu , tìm ra ngũ cốc , khai sáng nghề nông . Thần Nông đặt ra chợ búa , dạy dân trồng các cây thuốc chữa bệnh . Thần đã chết vì tự nguyện ném các loại lá thuốc , rủi ro bị ngộ độc .

Thần thoại Việt Nam đã từng coi Thần Nông là thủy tổ của các vua Hùng (dòng họ Hồng Bàng). Đến nay cũng chưa có kết quả nghiên cứu nào bác bỏ hoặc thừa nhận mối quan hệ đó . Quan niệm này do người Việt lưu truyền từ trước khi nền văn hoá Hán lan tràn và áp đặt vào nước ta (Có thể công nhận nguồn gốc chung của dân tộc Việt và dân tộc Trung Quốc - gốc gác Đông Nam Á , nhưng không thể cho rằng các vua Hùng có dòng dõi Trung Hoa) .

Lại có nhiều thuyết khác về "Tam hoàng" như :

1. Thiên hoàng , Địa hoàng và Nhân hoàng
2. Thiên hoàng , Địa hoàng và Thái hoàng
3. Phục Hy , Thần Nông và Nữ Oa

3 . **Ngũ Đế gồm** : Thiệu Hạo , Chuyên Húc , Đế Cốc , Nghiêu và Thuấn .

Nhìn chung , sở dĩ có nhiều thuyết khác nhau về Tam hoàng và Ngũ Đế là do các dân tộc khác nhau ở lục địa Trung Hoa rộng lớn đều muốn xác định " thủy tổ" là người (thần) ở xứ mình.

Thần thoại Trung Quốc còn có nhiều chuyện kể về vợ , con , cháu , chất của Tam hoàng , Ngũ Đế với nhiều dị bản khác nhau . (Xin đọc thêm " Thần thoại Trung Quốc " dịch giả và biên soạn : Giáo sư Đinh Gia Khánh - Nhà xuất bản khoa học xã hội- Hà Nội -1994) .

4 . **Nhóm thần cải tạo thiên nhiên và gây dựng cuộc sống mới**

- Truyện " Khoa Phụ đuổi mặt trời , chống hạn hán , chết khát trước khi tìm ra một đầm nước .
- Truyện " Ngu Công chuyển núi Thái Hàng và núi Vương Ốc " đi chỗ khác để dễ đi lại , làm ăn . Ông ta tin rằng đời con cháu tiếp nối đào đục mãi cũng phải chuyển dời hai quả núi . Thượng Đế cảm phục ý chí của Ngu Công , cho thiên thần vác núi đặt ở chỗ khác trong một đêm .
- Truyện mối tình " Ngưu lang - Chức nữ ".Chức nữ , con cháu Tam hoàng , chuyên dệt lụa may áo cho trời . Nàng làm việc ở bờ sông Ngân hà (phía bên Trời) , còn ở bờ bên kia là cánh đồng của loài người .Bên ấy có chàng chăn trâu tên là Ngưu lang mồ côi cha mẹ . Gia tài có một con trâu , phá hoang , cày ruộng để sinh sống . Ngưu lang nghe lời trâu , rình xem Chức nữ và các nàng tiên ra tắm sông Ngân , giấu xiêm áo của Chức nữ . Chàng cầu hôn , Chức nữ e thẹn đồng tình . Chồng cày ruộng , vợ dệt lụa , sinh một con trai , một con gái . Thiên Đế và Vương Mẫu biết chuyện ,

sai thiên thần đi bắt Chức nữ về trời . Ngưu Lang gánh hai con chạy theo vợ . Thiên Đế rút dây kéo sông Ngân hà lên trời cao để chặn đường Ngưu Lang . Con trâu bảo chàng lột bộ da trâu làm áo thì có thể bay lên trời . Nhờ bộ da trâu , chàng tới được bờ sông Ngân hà , bên kia đã thấy nàng Chức nữ . Chàng lấy gáo múc nước sông cho vơi cạn , ba bố con thay phiên nhau . Thiên Đế và Vương Mẫu mủi lòng , cho phép họ gặp nhau hàng năm một lần vào ngày 7 tháng 7 . Đến ngày ấy có một đàn chim ô thước (quạ đen) bắc một chiếc cầu liền cánh chim qua sông . Gặp nhau , họ mừng rỡ nhưng lại buồn vì sắp phải chia tay , nên khóc rất nhiều . Nước mắt làm thành trận mưa thu lạnh lẽo tê tái (mưa Ngâu : Ngưu). Những đêm trời quang đãng , có hai ngôi sao lớn bên bờ sông Ngân , đó là sao Ngưu Lang và sao Chức nữ . Bên cạnh còn có hai ngôi sao nhỏ hơn là con trai và con gái họ .

5 . Truyện "Hậu Nghệ bắn rụng chín mặt trời"

Hằng Nga bỏ trốn lên cung nguyệt "

Thời vua Nghiêu , có 10 mặt trời xuất hiện trên bầu trời gây hạn hán khủng khiếp . Nguyên do 10 mặt trời cư ngụ ở cây khổng lồ Phù tang (quần đảo Nhật bản) , mỗi ngày theo lệnh Thượng đế , một mặt trời ra đi , vòng qua bầu trời , lần lượt thay phiên nhau đi theo một con đường cố định . Lũ mặt trời một hôm rủ nhau cùng bay qua bầu trời và cứ thế tiếp diễn mỗi ngày . Hạ giới không chịu nổi sức nóng khủng khiếp , kêu cứu lên Thiên đình , Thượng đế (vua Thuần) sai Hậu Nghệ vác cung thần đi bắn hạ 10 đứa con nghịch của trời . Hậu Nghệ xuống trần mang theo vợ là Hằng Nga (còn gọi Thường Nga). Thấy tình cảnh hạ giới thật đáng thương , Hậu Nghệ nổi giận bắn thẳng tay , lần lượt rụng chín mặt trời - xác chết hiện nguyên hình 9 con quạ ba chân màu vàng (kim ô). Vua Thuần lo lắng , sai người lấy trộm một mũi tên của Hậu Nghệ nên một mặt trời còn sống sót . Hậu Nghệ tiếp tục đi giết những loài quái vật ở hạ giới , giúp dân lành . Vợ chồng Hậu Nghệ không dám trở về trời . Hằng Nga không chịu được cuộc sống khổ cực ở trần gian nên oán trách chồng . Tình yêu rạn nứt , Hậu Nghệ thường bỏ đi chơi và tìm đến Tây Vương Mẫu xin thuốc thần để hai vợ chồng trở thành bất tử . Đem thuốc về giao cho vợ giữ . Hằng Nga lén uống hết rồi bay về trời , nhưng nghĩ xấu hổ liền rẽ sang cung trăng ẩn náu . Hạ xuống cung trăng , nàng hoá thành con cóc vì tội phản bội chồng . Nơi đây chỉ có một con thỏ ngọc đang giã thuốc bên cây quế .

Còn có chuyện kể Hậu Nghệ dạy học trò Phùng Mông bắn cung . Khi đã thành thạo , Phùng Mông mấy lần ám hại thầy để giành ngôi vô địch nhưng đều thất bại . Hậu Nghệ tha chết cho y . Cuối cùng Phùng Mông vẫn thực hiện được tội ác . Hậu Nghệ ngã gục mà chết , được nhân dân thờ như một vị thần .

Truyện Hằng Nga còn có dị bản khác . Con thỏ ngọc giã thuốc vốn có từ truyện dân gian cổ đại Ấn Độ , nó có nhiệm vụ chế thuốc bất tử . Lại có chú Cuội là người trần gian phát hiện ra cây thuốc quý (quế) có thể chữa vật chết sống lại . Người vợ không nghe lời chồng , đá vào cây thuốc , cây bay lên trời . Cuội ôm lấy gốc cây níu lại không được . Cây bay về cung trăng đem theo chú Cuội . Mỗi đêm Cuội ngồi nhìn xuống trần gian mà thương tiếc quê hương .

6 . Truyện cha con vua Cỗn - vua Vũ ra tay trị thủy giúp dân (Vua Vũ là vua cuối cùng thời đại thị tộc nguyên thủy và mở ra xã hội nô lệ - chủ nô). Vua Vũ còn cho đúc chín chiếc đỉnh đồng to lớn coi như " quốc bảo ". Về sau, các đời vua nhà Chu và suốt thời Đông Chu liệt quốc coi 9 đỉnh đồng là tượng trưng quyền lực vua chúa.

7 . Truyện Vọng Đế (còn gọi Thục Đế : vua nước Thục)

Vọng Đế tên là Đỗ Vũ , danh hiệu Tầm Tùng - tổ sư nghề nuôi tằm. Có người nước Sở chết đuối, trôi ngược dòng tới nước Thục tên là Miết Linh. Vọng Đế cứu sống, cử y làm tể tướng vì mến tài trị thủy của y. Miết Linh lập công lớn cho nước Thục, Thục Đế nhường ngôi cho Miết Linh. Miết Linh lợi dụng tư thông với vợ Thục Đế. Đau khổ và hối hận, Thục Đế uất hận mà chết, khi trăn trối, ông dặn loài chim đỗ quỳên đời đời kêu lên thảm thiết nỗi lòng Thục Đế cho dân chúng nghe.

Lại có chuyện kể rằng, khi Miết Linh đi trị nạn lũ lụt, Thục Đế ở nhà tư thông với vợ Miết Linh. Khi Miết Linh trở về, vua Thục xấu hổ bỏ đi ở ẩn mà chết. Khi chết, linh hồn vua Thục hoá chim đỗ quỳên hót kêu hót , báo cho dân chúng thời vụ làm mùa kịp thời (²)

8 - Nhóm truyện vua Kiệt (nhà Hạ), vua Thành Thang (nhà Ân) và vua Trụ (nhà Ân - Thương) - Thần thoại chuyển sang truyền thuyết , chấm dứt thời tiền sử

- Vua Vũ nhường ngôi cho con là Khải. Khải truyền ngôi qua nhiều đời tới vua Khổng Giáp. Giáp là vua ngu, chỉ lo ăn chơi. qua hai đời nữa tới vua Kiệt, vua cuối cùng của nhà Hạ.
- Vua Kiệt hoang dâm vô độ, xây nhiều cung điện xa hoa để hưởng lạc với vợ yêu tên là Muội Hỷ, bà vợ có tật thích nghe tiếng lụa xé. Kiệt chiều chuộng vợ đủ điều. Một viên quan đại thần tên Y Doãn can ngăn vua không được, bỏ sang một nước chư hầu là nhà Ân. Vua Ân là Thành Thang đánh đổ vua Kiệt lập ra triều đại Ân Thang (Thương).
- Đến đời nhà Thương (Thang) ông vua cuối cùng là vua Trụ. Vua Trụ cũng là kẻ hoang dâm, đồi trụy và tàn nhẫn. Mặc dù vốn là tay hảo hán võ nghệ cao cường, thông minh sắc sảo , kiêu ngạo , vua Trụ cũng say đắm giai nhân là Đắc Kỷ mà mất nước. Hoang dâm và tàn bạo, Trụ mổ bụng moi gan Tỉ Can là bề tôi trung thành đã can ngăn y đừng bày nhiều trò độc ác để mua vui. Tình trạng vua Trụ lặp lại sự thất bại của vua Kiệt.

Nhà Thương là ranh giới giữa thời kỳ tiền sử chuyển sang thời kỳ lịch sử, thần thoại chính là " bộ lịch sử " của giai đoạn đầu tiên lịch sử Trung Hoa . Đến nhà Chu mới chính thức có lịch sử và nền văn học viết.

Thần thoại Trung quốc gồm nhiều truyện vụn vặt, lẻ tẻ bởi vì không có thể loại sử thi đi sau gìn giữ và gắn kết thành một hệ thống hoàn chỉnh (như Ấn Độ và Hi Lạp , sau giai đoạn thần thoại đã phát sinh thể loại Sử Thi/Anh hùng ca kết nối các chuyện thần thoại và phát triển tiếp - do đó thần thoại Hi Lạp được truyền lại đời sau trong một hình thức huy hoàng tráng lệ hơn) . Tuy vậy, Thần thoại

Trung Quốc cũng gây ảnh hưởng đến nền văn học Trung Hoa suốt hàng ngàn năm sau. Thần thoại đã biến đổi thành điển cố, điển tích và gây nguồn cảm hứng cho nhiều văn nghệ sĩ đời sau .

Kinh thi

1.Nội dung:

Kinh Thi là tập thơ đầu tiên của Trung Quốc, sáng tác trong khoảng thời gian hơn năm trăm năm, cách đây khoảng hai ngàn năm trăm năm. Đến thế kỷ 6 - trước công nguyên góp lại khoảng ba trăm bài được soạn thành tập. Về sau Khổng Tử biên soạn thành sách gọi là Kinh Thi dùng làm sách giáo khoa trong bộ Ngũ kinh. Bởi ông coi trọng việc học thơ nhằm tạo cho lời nói thêm hoa mỹ, Ông nói " Không học Kinh Thi thì không biết nói ". Thơ có thể làm cho mọi người phấn chấn, đoàn kết với nhau, , bộc lộ lòng bất mãn, phẫn uất của mình , tham khảo phong tục ". Theo truyền thuyết, lúc đầu Kinh Thi có tới ba ngàn bài, sau rơi rụng dần.

Kinh Thi gồm ba phần : Phong , Nhã và Tụng.

- Phong : Còn gọi là quốc phong, có một trăm sáu mươi bài. Đó là ca dao, dân ca của mười lăm nước nhỏ. Đó là tác phẩm của miền Bắc gồm lưu vực sông Hoàng Hà, Trường Giang, trung tâm văn hoá của Trung Quốc thời bấy giờ.
- Nhã : Gồm tiểu nhã và đại nhã, còn gọi là Nhị nhã, có một trăm lẻ năm bài. Đó là thơ ca của giới quý tộc đại phu làm trong những dịp triều hội, yến tiệc nói về quan hệ tốt đẹp giữa vua tôi và các nghi thức tiếp tân giữa chủ và khách. Nhã có nghĩa đối lập với tục, có nghĩa tao nhã, cao sang, gương mẫu.
- Tụng : Là những bài tán tụng, ca ngợi dùng lúc tế lễ thần linh, thái miếu, giống như văn tế sau này. Tụng gồm có Chu tụng , Lỗ tụng và Thương tụng (gọi là tam tụng) sáng tác ở ba nước Chu, Lỗ và Thương.

Nghiên cứu Kinh Thi, người ta phân biệt được phong tục tập quán, tình hình xã hội và khuynh hướng tư tưởng của từng vùng và từng giai tầng xã hội. Đại bộ phận Quốc phong và một phần Tiểu nhã, một phần Đại nhã có tính nhân dân và tính phê phán cao là sáng tác của người bình dân lao động. Còn Tụng và phần còn lại của Đại nhã, Tiểu nhã ca tụng giai cấp thống trị là của giới quý tộc. Có ý nghĩa nhất đối với chúng ta ngày nay là " Phong " và một số bài trong Tiểu nhã. Đó thực sự là văn học dân gian chân chính của Trung Quốc cổ đại.

Các bài ca dao, dân ca trong quốc phong (phong) là sáng tác của nhân dân lao động ca hát về công ăn việc làm của họ , qua đó ta nghe được tâm tình , cảm xúc của người nghèo khổ bị áp bức bóc lột. Họ phải làm lụng cực nhọc để nuôi bọn lãnh chúa sống giàu sang, nhàn hạ. Ví dụ như bài " Thất nguyệt " như sau :

Tháng giêng sửa soạn cày bừa, tháng hai ra đồng cày ruộng, tháng ba trồng dâu nuôi tằm, tháng tư, tháng năm đi hái trái viễn chín làm thuốc, tháng sáu hái

lê và mận, tháng bảy nấu quỳ hái đậu hái dưa, tháng tám hái bầu, chặt lau sậy, gặt hái, dệt vải, tháng chín hái mè, đàn bà may quần áo lạnh cho nhà chủ, đàn ông đập lúa, tháng mười nạp tỗ, tháng mười một đi săn chồn, tháng mười hai săn thú lớn, đục băng (đá cục) cất đi cho nhà chủ ăn mùa hè cho mát.

Bài thơ còn tả những cách thức bóc lột của bọn lãnh chúa. Thỉnh thoảng chen những tiếng thở dài, giọng thơ thường kết thúc mỉa mai, cay đắng, oán trách . (Đọc thêm các bài Phạt đàn, Thạc Thử, Mộ môn)

Đề tài chiến tranh trong Kinh Thi cũng khá phong phú. Phản ánh nỗi khổ cực do chiến tranh thời Xuân Thu gây ra cho người lao động. Họ phải bỏ làng xóm, việc cày cấy và gia đình để đi tham gia các cuộc viễn chinh. Những nỗi buồn khổ của chinh phu, chinh phụ thể hiện trong các bài Đông Sơn , Thái Vi.

Cũng giống như ca dao, dân ca nước ta, Kinh Thi gồm rất nhiều bài ca tình yêu. Lời lẽ hồn nhiên thẳng thắn chất phác, mạnh dạn và tình cảm chân thành. Mở đầu Kinh Thi là bài " Quan Thư" - bài thơ tình yêu, bộc lộ những nỗi vui buồn thương nhớ, ước mong và yêu đương...Tình yêu của người bình dân hồi ấy thật trong sáng, ngây thơ. Mùa xuân trai gái vui chơi trên bờ sông hái cỏ thơm tặng nhau, tỏ tình. Con gái tỏ tình bằng cách mời anh nhảy múa. Những cuộc hò hẹn, cô gái đến trước, nấp một nơi để chứng kiến nỗi bứt rứt đau khổ của người yêu. Thơ tình yêu cũng đã lên tiếng oán trách hoặc phản đối luân lý, lễ giáo, luật lệ khắc nghiệt thời cổ đại. Từ khi yêu đương đến cuộc hôn nhân và đời sống gia đình, người phụ nữ thường bị hạn chế, chịu thiệt thòi suốt đời. Họ viết những vần thơ cảm động, ai oán.

Kinh Thi được coi là sách kinh điển của học đường, của nhà nho, nên chủ đề tình yêu nói trên bị Khổng Tử và giới nhà nho cất xén, xuyên tạc như là những tác phẩm tiêu cực, cho là dâm bôn, nguy hiểm. Họ chỉ khen ngợi một số ít bài trong đề tài tình yêu của người lao động. Còn thì chủ yếu tán tụng những bài do giới quý tộc cung đình soạn ra trong Đại nhã và Tụng).

2.Nghệ thuật kinh thi:

Có năm biện pháp nghệ thuật quen dùng trong Kinh Thi :

Phú : là nói thẳng sự việc ra, nghĩ thế nào nói thế ấy.

Tỷ : là so sánh, ví von, chẳng hạn " nhánh cỏ non " ví với bàn tay đẹp, "ngọc" ví với " người hiền tài " .v.v... " Tỷ " cũng gần giống biện pháp tượng trưng . Như bài Thạc Thử (đánh chuột) kể chuyện bọn chuột tham lam tàn nhẫn cần phải diệt chúng nhưng ta hiểu rằng đó là bọn lãnh chúa, bọn quan lại tham nhũng.

Hứng : nói sự việc này để dẫn đến sự việc khác mình muốn nói. Ví dụ tả cảnh " chim gù nhau " để nói chuyện trai gái tìm lứa đôi, nói " quả mơ rụng " để chỉ việc năm tháng trôi qua, tuổi xuân sắp hết, nói "thuyền trôi nổi giữa dòng sông " để dẫn đến chuyện mối tình dang dở. Đến ngày nay, ba cách ấy đã thông dụng. Kinh Thi là tập thơ đầu tiên của Trung Quốc đã sử dụng thành thạo nên ta phải kể đó là đặc sắc nghệ thuật của họ. Người làm thơ quả là có cái nhìn mới mẻ, óc tưởng tượng dồi dào, sự liên tưởng đột ngột rất nên thơ. Có khi cả ba biện pháp tu từ đó được dùng xen kẽ trong một bài. Như bài Quan Thư gồm năm

đoạn. Đoạn đầu có thể hứng và tỷ, đoạn hai theo thể hứng, đoạn ba theo lối phú, đoạn bốn và năm lại theo thể hứng.

Biện pháp trùng điệp trong các bài thơ Kinh Thi thường theo cách "trùng chương, điệp cú" (lặp đoạn, lặp câu). Kiểu trùng điệp ấy làm tăng tính chất trữ tình.

Kết cấu xương - hoạ. Đoạn một xương, đoạn hai hoạ, thường dùng trong các bài ca lao động tươi vui kiểu đối đáp của các cô gái hái dâu.

Nhạc điệu rất giàu có trong Kinh Thi. Có bài là dân ca, có bài là thơ được phổ nhạc. Ngày nay, phần âm nhạc đã mất đi, chỉ còn lời với tiết tấu vắn điệu của ngôn ngữ nghe vẫn êm tai, dễ nghe. Lời trong bài được chọn lọc, tinh xảo. Khi sưu tầm, lời thơ có thể được nhuận sắc (gọt sửa) cho hay hơn, dễ nhớ hơn. Do đó, về sau trong ngôn ngữ giao tiếp người ta hay chêm một câu Kinh Thi như là một dạng tục ngữ, thành ngữ hoặc trong văn học về sau người ta sử dụng Kinh Thi như là điển tích văn học. Khi dạy học trò, Khổng Tử bảo rằng "không học Kinh Thi lấy gì mà nói".

Kinh Thi xưa nay được xem là một tác phẩm văn học cổ điển vĩ đại có ảnh hưởng rất lớn đối với nền văn học Trung Quốc. Kinh Thi còn có giá trị hiện thực cao, được coi là tác phẩm mở đầu cho văn học hiện thực Trung Quốc.

Đối với văn học Việt Nam, Kinh Thi có ảnh hưởng rõ rệt. Trước hết là do việc Khổng Tử đề cao Kinh Thi khiến một số học giả Việt Nam chú ý hơn đến ca dao, dân ca Việt Nam, có ý thức học tập ca dao, dân ca nước mình để làm cho lời nói thêm hay. Nguyễn Trãi mở đường, Nguyễn Bình Khiêm bước tiếp. Rồi đến Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà, Nguyễn Bính... đều là những nhà thơ đã học tập và vận dụng thành thạo "kinh thi Việt Nam" nhờ đó mà trở nên nhà thơ dân tộc. Ông cha ta đã sưu tầm và biên soạn những cuốn ca dao dân ca Việt Nam như Nam Thi quốc phong của Nguyễn Đăng Tuyển, Việt Nam phong sử của Nguyễn văn Mai, Thanh Hoa quan phong của Vương Duy Trinh. Ca dao Việt Nam của Đào Duy Anh, Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam của Vũ Ngọc Phan, Ca dao dân ca Nam Bộ của Lê Giang và Lưu Nhất Vũ.v.v...

Phần tuyển chọn

Soạn theo THI KINH TẬP TRUYỆN (Khổng Tử san định. Tập I. Dịch giả Tạ Quang Phát. Trọn bộ 3 tập. Bộ giáo dục Trung tâm học liệu Sài Gòn 1969 in lần I. Lời nói đầu của dịch giả. Lời dẫn nhập của giáo sư Bửu Cầm, Khoa Việt Hán. Đ.H. Văn khoa Sài Gòn). Lời tựa của Chu Hy - triết gia đời Tống:

"Thơ là cái dư âm của lời nói trong khi lòng người cảm xúc với sự vật mà nó thể hiện ra ngoài. Nhưng sự cảm xúc ấy có tà có chính, cho nên lúc được thể hiện ra lời nói cũng phải có thị, có phi".

QUAN THƯ (Bài thứ 1 của Kinh Thi)